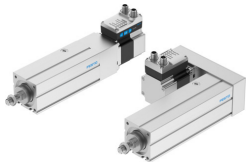


Trục xy lanh điện
EPCS-BS-60-
Số bộ phận: 8118266

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Kích thước	60
Hành trình	25 mm...500 mm
Dự trữ hành trình	0 mm
Ren thanh pít tông	M12x1,25
đường kính trục chính	12 mm
Tăng trục chính	5 mm/vòng...12 mm/vòng
Vị trí lắp đặt	bất kì
Cấu trúc xây dựng	Xi lanh điện với trục vít bi với hệ truyền động tích hợp
Loại trục chính	Trục vít bi
Bảo vệ chống xoay/dẫn hướng	dẫn hướng trượt
Cảm biến vị trí rôto	Encoder tuyệt đối, một vòng
Cảm biến vị trí rôto Nguyên tắc đo	từ tính
Kiểm soát nhiệt độ	Tắt máy khi quá nhiệt Tích hợp cảm biến nhiệt độ CMOS chính xác với đầu ra tương tự
Chức năng bổ sung	Giao diện người dùng Phát hiện vị trí cuối tích hợp
Hiển thị	Đèn LED
Tăng tốc tối đa	0.5 m/s ² ...5 m/s ²
Tốc độ tối đa	0.09 m/s...0.22 m/s
Độ chính xác lặp lại	±0,02 mm
Đặc tính của đầu ra logic kỹ thuật số	có thể định cấu hình không bị cách điện
Thời gian bật	100%
lớp bảo vệ cách nhiệt	B
Đầu ra logic kỹ thuật số tối đa hiện tại	100 mA
Tiêu thụ điện tối đa	5.3 A
Logic tiêu thụ dòng điện tối đa	0.3 A
Điện áp danh định DC	24 V
Dòng điện danh nghĩa	5.3 A
Giao diện tham số hóa	Liên kết IO Giao diện người dùng

Đặc tính	Giá trị
Dao động điện áp cho phép	+/- 15 %
Nguồn điện, kiểu kết nối	Phích cắm
Cung cấp điện, công nghệ kết nối	M12x1, Được mã hóa T theo EN 61076-2-111
Cung cấp điện áp, số cực / dây	4
Giấy phép	Dấu RCM
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU theo chỉ thị RoHS của EU
Khả năng chống rung	Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 1 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6
chống sốc	Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 1 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27
Lớp chống ăn mòn KBK	0 - không ứng suất ăn mòn
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III
Loại phòng sạch	Loại 9 theo ISO 14644-1
Nhiệt độ bảo quản	-20 °C...60 °C
Độ ẩm tương đối	0 - 90 % không cô đặc
Mức độ bảo vệ	IP40
Nhiệt độ môi trường xung quanh	0 °C...50 °C
Lưu ý về nhiệt độ môi trường	Trên nhiệt độ môi trường xung quanh là 30 °C, phải giảm công suất 2 % mỗi K.
Thời điểm tối đa Mx	0 N m
Max. Moment My	6.4 N m
Mô-men tối đa Mz	6.4 N m
Lực hướng tâm tối đa trên trục truyền động	230 N
Lực nạp tối đa Fx	375 N...900 N
Trị số chuẩn tải trọng có ích, ngang	56 kg...120 kg
Giá trị tham chiếu tải trọng, theo chiều dọc	18 kg...46 kg
Khối lượng di chuyển ở hành trình 0 mm	305 g
Khối lượng di chuyển bổ sung trên mỗi hành trình 10 mm	6.5 g
trọng lượng sản phẩm	2467 g...6008 g
Trọng lượng cơ bản ở hành trình 0 mm	2294 g...2558 g
Trọng lượng bổ sung cho mỗi hành trình 10 mm	69 g
Số đầu ra logic kỹ thuật số 24 V DC	2
Số lượng đầu vào logic kỹ thuật số	2
Vùng làm việc đầu vào logic	24 V
Đặc tính đầu vào logic	có thể định cấu hình không bị cách điện
IO-Link, phiên bản giao thức	Thiết bị V 1.1
IO-Link, Communication mode	COM3 (230,4 kBaud)
IO-Link, Port class	A
IO-Link, số lượng cổng	1
IO-Link, độ rộng xử lý dữ liệu OUT	2 Byte
IO-Link, nội dung dữ liệu quá trình OUT	Move in 1 bit Move out 1 bit Quit Error 1 bit Move Intermediate 1 bit
IO-Link, nội dung dữ liệu quá trình IN	State Device 1 bit State In 1 bit Trạng thái trung gian 1 bit State Move 1 bit State Out 1 bit
IO-Link, nội dung dữ liệu dịch vụ IN	32 bit Force Vị trí 32 bit 32 bit Speed
IO-Link, thời gian chu kỳ tối thiểu	1 ms
IO-Link, yêu cầu bộ nhớ dữ liệu	0.5 KB

Đặc tính	Giá trị
chuyển đổi đầu vào logic	NPN (chuyển mạch âm) PNP (chuyển mạch dương)
giao diện logic, kiểu kết nối	Phích cắm
Giao diện logic, công nghệ kết nối	M12x1, A-được mã hóa theo EN 61076-2-101
Giao diện logic, số lượng chân / dây	8
Kiểu gắn	với ren trong với phụ kiện
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu đai ốc trực chính	Thép
Trục chính vật liệu	Thép ổ lăn